

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
(GARMEX SAIGON)
☸*☸

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
☸*☸

Số : 69 /CBTT-2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

- Mã chứng khoán : GMC
- Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ : 028 39844822 Fax: 028 39844746
- E-mail: headoffice@garmex.vn website: <https://www.garmex.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2023.
- Giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2023 kèm biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng kết quả kinh doanh lỗ (Báo cáo tình hình khắc phục tình trạng chứng khoán bị cảnh báo định kỳ Quý 2/2023).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/07/2023 tại đường dẫn <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm :

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 2/2023
- Công văn giải trình số 68/CV-2023

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẰNG

Số : 68 /CV - 2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế trên

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 2/2023.

kèm theo biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng

kết quả kinh doanh lỗ (Báo cáo tình hình khắc phục

tình trạng chứng khoán bị cảnh báo định kỳ Quý 2/2023) .

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Theo quy định về việc công bố thông tin của các công ty niêm yết, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2023 kèm biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng lỗ (Báo cáo tình hình khắc phục tình trạng chứng khoán bị cảnh báo định kỳ Quý 2/2023) như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2/2023 lỗ, trong khi Quý 2/2022 lãi:

Chỉ tiêu	BCTC Quý 2/2023	BCTC Quý 2/2022	Chênh lệch	
			Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần công ty mẹ	101.094.634	126.890.408.269	(126.789.313.635)	-99,92%
LNST của công ty mẹ	(10.140.316.753)	8.422.118.152		
Doanh thu thuần hợp nhất	101.094.634	125.192.795.788	(125.091.701.154)	-99,92%
LNST hợp nhất	(12.468.232.180)	12.221.027.453		

Kết quả kinh doanh Quý 2/2023 của Công ty tiếp tục lỗ trong khi Quý 2/2022 lãi theo chi tiết như bảng nêu trên. Nguyên nhân là do Năm 2023, tác động tiêu cực của dịch bệnh cùng những biến động chính trị trên thế giới khiến cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục suy giảm. Ngành dệt may theo đó chịu ảnh hưởng bởi sự sụt giảm đơn hàng từ các thị trường chính như Mỹ, EU. Điều này tác động lớn đến hoạt động kinh doanh, Công ty thiếu đơn hàng nên Doanh thu Quý 2 năm 2023 trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và Hợp nhất đều giảm đáng kể (giảm 99,92%) nên kết quả kinh doanh quý 2 năm 2023 của Công ty tiếp tục bị lỗ.



2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2023 lỗ, trong khi 6 tháng năm 2022 lãi:

Chỉ tiêu	6 tháng/2023	6 tháng/2022	Chênh lệch	
			Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần công ty mẹ	8.382.314.815	266.768.204.230	(258.385.889.415)	-96,86%
LNST của công ty mẹ	(23.556.062.164)	56.934.579		
Doanh thu thuần hợp nhất	8.089.016.861	264.163.634.555	(130.982.916.540)	-94,25%
LNST hợp nhất	(33.103.752.649)	4.114.108.823		

Kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2023 của Công ty tiếp tục lỗ, trong khi 6 tháng năm 2022 lãi theo chi tiết như bảng nêu trên, do chịu ảnh hưởng bởi sự sụt giảm đơn hàng từ các thị trường chính như Mỹ, EU. Trong 6 tháng năm 2023, Công ty thiếu đơn hàng, đơn hàng số lượng nhỏ, đơn giá thấp. Doanh thu 6 tháng năm 2023 tại Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và Hợp nhất lần lượt giảm 96,86% và giảm 94,25% nên kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2023 của Công ty tiếp tục bị lỗ.

3. Biện pháp và lộ trình khắc phục kết quả kinh doanh lỗ (Báo cáo tình hình khắc phục tình trạng chứng khoán bị cảnh báo định kỳ Quý 2/2023)

Công ty đã cân đối lại nhân sự cho phù hợp với tình hình mới. Trong Quý 2 năm 2023, Công ty thiếu đơn hàng nên Công ty buộc thu hẹp hoạt động, tiết giảm chi phí để giảm thiểu thiệt hại. Công ty tiếp tục rà soát tài sản, tìm kiếm cơ hội khai thác hợp lý các mặt bằng hiện có hoặc thanh lý các tài sản không cần dùng và dự kiến có lãi trong năm 2023, tuy nhiên vẫn chưa khắc phục được tình trạng lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính.

Công ty Cổ Phần Garmex Saigon kính gửi đến quý cơ quan nội dung giải trình như trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.

**Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN MINH HẰNG





CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
252 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, P.17, Q. GÒ VẤP, TP.HCM
MST : 0300742387

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ II NĂM 2023



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
- Bảng cân đối kế toán riêng	1-4
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6-7
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8-29

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	212,714,341,178	283,246,267,441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	36,177,078,479	205,426,162,304
1. Tiền	111	21,577,078,479	205,426,162,304
2. Các khoản tương đương tiền	112	14,600,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	87,789,903,522	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	87,789,903,522	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	49,845,990,780	40,676,336,841
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	50,748,671,877	58,488,943,683
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	50,031,040,597	31,553,802,451
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	265,850,000	1,833,162,400
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(51,199,571,694)	(51,199,571,693)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	28,056,466,974	26,047,261,834
1. Hàng tồn kho	141	63,517,901,467	61,514,033,117
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(35,461,434,493)	(35,466,771,283)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	10,844,901,423	11,096,506,462
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	27,454,387	685,381,504
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	8,936,450,080	8,894,798,183
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1,880,996,956	1,516,326,775
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	208,618,584,202	221,417,860,725
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	69,320,502,937	73,387,733,453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	68,549,239,236	72,456,892,822
- Nguyên giá	222	264,322,838,420	265,593,377,900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(195,773,599,184)	(193,136,485,078)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	771,263,701	930,840,631
- Nguyên giá	228	5,644,262,740	6,018,865,523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(4,872,999,039)	(5,088,024,892)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	33,171,379,564	32,507,811,555
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	33,171,379,564	32,507,811,555
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	95,886,514,634	101,252,770,891
1. Đầu tư vào công ty con	251	101,000,000,000	101,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4,341,000,000	4,341,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15,395,180,000	15,395,180,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(24,849,665,366)	(19,483,409,109)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	10,240,187,067	14,269,544,826
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9,802,590,018	11,179,671,978
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	437,597,049	3,089,872,848
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	421,332,925,380	504,664,128,166

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	22,918,340,588	80,821,941,093
I. Nợ ngắn hạn	310	22,335,064,088	75,330,268,289
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18,129,546,890	35,335,324,057
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	93,407,420	93,407,420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-	-
4. Phải trả người lao động	314	456,260,469	7,545,926,593
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	1,419,137,547
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	2,481,274,691	643,368,998
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	20,866,820,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	654,758,444	8,861,208,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	519,816,174	565,075,674
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	583,276,500	5,491,672,804
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	583,276,500	5,491,672,804
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh


Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	398,414,584,792	423,842,187,073
I. Vốn chủ sở hữu	410	398,414,584,792	423,842,187,073
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	330,002,590,000	330,002,590,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	330,002,590,000	330,002,590,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	72,687,827,370	72,687,827,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	(863,138,686)	(863,138,686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	67,754,774,402	67,754,774,402
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(71,167,468,294)	(45,739,866,013)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(47,611,406,130)	18,460,331,319
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	(23,556,062,164)	(64,200,197,332)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	421,332,925,380	504,664,128,166

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2023


Trần Thị Thu Trâm
Người lập


Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Hằng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán kết thúc Quý II năm 2023	Cho kỳ kế toán kết thúc Quý II năm 2022	Lũy kế 06 tháng Năm 2023	Lũy kế 06 tháng Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	101,094,634	126,890,408,269	8,382,314,815	266,768,204,230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	101,094,634	126,890,408,269	8,382,314,815	266,768,204,230
4. Giá vốn hàng bán	11	-	109,077,981,629	8,782,818,570	239,974,004,951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	101,094,634	17,812,426,640	(400,503,755)	26,794,199,279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	996,682,948	9,243,783,789	2,142,122,100	11,549,775,878
7. Chi phí tài chính	22	3,146,953,877	3,448,310,682	6,881,030,713	5,497,292,090
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	-	83,980,336	8,319,462	234,840,730
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7,693,459,086	14,774,217,283	15,717,120,810	32,061,694,871
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(9,742,635,381)	8,749,702,128	(20,864,852,640)	550,147,466
11. Thu nhập khác	31	-	77,600,585	36,066,275	134,123,360
12. Chi phí khác	32	-	4,489,172	75,000,000	4,489,172
13. Lợi nhuận khác	40	-	73,111,413	(38,933,725)	129,634,188
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(9,742,635,381)	8,822,813,541	(20,903,786,365)	679,781,654
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	397,681,372	400,695,389	2,652,275,799	622,847,075
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(10,140,316,753)	8,422,118,152	(23,556,062,164)	56,934,579

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2023


 Trần Thị Thu Trâm
 Người lập


 Trần Thị Mỹ Hạnh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Minh Hằng
 Tổng Giám đốc


Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(20,903,786,365)	679,781,654
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5,470,730,516	6,865,505,245
- Các khoản dự phòng	03	(7,753,926,392)	1,646,717,117
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(367,144,024)	(8,471,763,700)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(331,668,802)	(39,718,490)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(23,885,795,067)	680,521,826
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10,079,698,844)	159,881,823,181
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2,003,868,350)	21,371,802,095
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(25,906,202,242)	(50,985,261,275)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2,035,009,077	659,936
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(7,160,809,500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(55,259,500)	(3,273,483,726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(59,895,814,926)	120,515,252,537
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1,136,529,909)	(11,042,391,359)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(87,789,903,522)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	207,021,925
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	331,668,802	71,173,848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(88,594,764,629)	(10,764,195,586)

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

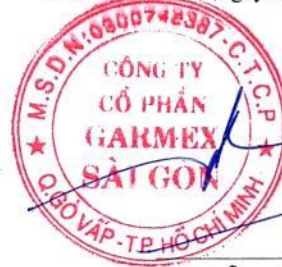
Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	20,866,820,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20,866,820,000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(65,891,184,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20,866,820,000)	(45,024,364,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(169,357,399,555)	64,726,692,951
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	205,426,162,304	331,278,968,878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	108,315,730	7,629,884,115
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	36,177,078,479	403,635,545,944

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trần Thị Thu Trâm
Người lập**Trần Thị Mỹ Hạnh**
Kế toán trưởng**Nguyễn Minh Hằng**
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 01 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 330,002,590,000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 330,002,590,000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lương, P.17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

-May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết : Công nghiệp may, sản phẩm chính : quần áo may sẵn các loại.

-Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết : đại lý môi giới sản phẩm may mặc (trừ bán các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp

chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)

-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết : Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may

-Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà, cho thuê xưởng

-Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may

-Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết : Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu,

-Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết : Công nghiệp dệt len các loại;

-Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết : Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở)

-Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết : Công nghiệp dệt vải các loại;

-Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Dịch vụ vận tải;

-Vận tải hành khách đường bộ khác;

-Bán lẻ trong siêu thị, bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi, bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cần, vàng miếng, súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; trừ bán lẻ các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý, đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

-Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

-Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

-Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của Pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết Quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

-Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Chi tiết: dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ y tế đa khoa, dịch vụ y tế chuyên khoa

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

5. Cấu trúc Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 2 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 1 công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- (1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam
 - + Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lương, P.17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- (2) Công ty TNHH May Tân Mỹ
 - + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- (3) Blue Saigon LLC
 - + Địa chỉ: Số 11100 Đường Valley Boulevard, Phòng 222, Thành Phố E1 Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn: 100%
 - + Đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động

* Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 20 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	: 5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	: 3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	: 6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	: 3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	: 4 - 8 năm

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Phú Mỹ số 02/HĐ-TĐ vào ngày 26 tháng 10 năm 2007 trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo hướng dẫn của Thông tư 45 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

9. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

„*Quỹ đầu tư phát triển* : Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

„*Quỹ khen thưởng, phúc lợi* : Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

+ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

+ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

+ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán khi tài sản Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	29,572,642	240,808,285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21,547,505,837	205,185,354,019
Tiền gửi tiết kiệm	14,600,000,000	-
Cộng	36,177,078,479	205,426,162,304

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	87,789,903,522	87,789,903,522	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại NH Eximbank	71,000,000,000	71,000,000,000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại NH Vietcombank	16,789,903,522	16,789,903,522	-	-
Cộng	87,789,903,522	87,789,903,522	-	-

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	101,000,000,000	(20,571,183,157)	80,428,816,843	101,000,000,000	(15,000,000,000)	86,000,000,000
Công ty TNHH May Tân Mỹ (100% vốn)	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam (100% vốn)	86,000,000,000	(5,571,183,157)	80,428,816,843	86,000,000,000	-	86,000,000,000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291
Công ty Cổ phần Phú Mỹ (32.67% vốn)	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15,395,180,000	(2,006,894,500)	13,388,285,500	15,395,180,000	(2,211,821,400)	13,183,358,600
NHNT Vietcombank (25.266+ 6.973 CPT)=32.239 cp	1,269,730,000	-	1,269,730,000	1,269,730,000	-	1,269,730,000
NHTM CP Việt A (196.855+10.846CPT+44.344 Cổ tức nhận bằng cổ phiếu) = 252.045 cp	3,998,050,000	(2,006,894,500)	1,991,155,500	3,998,050,000	(2,211,821,400)	1,786,228,600
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Gia Định (843.950 cp)	10,127,400,000	-	10,127,400,000	10,127,400,000	-	10,127,400,000
Cộng	120,736,180,000	(24,849,665,366)	95,886,514,634	120,736,180,000	(19,483,409,109)	101,252,770,891

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Kỳ /Năm nay	Kỳ /Năm trước
Số đầu năm	(19,483,409,109)	(12,114,285,670)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6,251,704,657)	(2,701,399,223)
Hoàn nhập dự phòng	885,448,400	-
Giảm khác	-	1,461,522,717
Số cuối năm/kỳ	(24,849,665,366)	(13,354,162,176)

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	47,492,927,050	48,220,950,054
Blue Sai gon LLC	47.410.555.648	47.410.555.647
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	82.371.402	293.707.865
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	-	516.686.542
Phải thu các khách hàng khác	3,255,744,827	10,267,993,629
CÔNG TY TNHH MTV CÔN ĐƯỜNG XANH	-	3.444.650.280
TOPO DESIGNS	3.086.954.969	3.086.954.969
TEIJIN FRONTIER CO., LTD	-	298.068.996
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HUY THUỐC	-	65.444.796
CTY TNHH LTP VIET NAM	-	517.395.378
CÔNG TY TNHH MAY MẶC CÂY DỪA	-	2.715.064.920
Công ty TNHH JSP Việt Nam	133.066.217	133.066.217
Cán bộ công nhân viên	-	2.242.052
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	30.617.620	-
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ NHÀ BÈ	4.100.968	4.100.968
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	1.005.053	1.005.053
Cộng	<u>50,748,671,877</u>	<u>58,488,943,683</u>

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	46,984,111,626	27,775,427,706
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	46,984,111,626	27,775,427,706
<i>Trả trước cho người bán :</i>	3,046,928,971	3,778,374,745
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC LẠC VIỆT	741,727,000	741,727,000
TRUNG TÂM THIẾT BỊ PCCC 4/10	1,768,852,080	1,768,852,080
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG THẢO	-	635,343,800
CÔNG TY TNHH MTV PT CN MT BÁCH KHOA	-	52,323,000
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ PHÚ	125,400,000	125,400,000
CTY TNHH SX DV TM CÁCH KIỆM	75,000,000	75,000,000
CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ CHUẨN VIỆT	38,500,000	38,500,000
Các nhà cung cấp khác	297,449,891	341,228,865
CÔNG TY CP KH CN BÁCH KHOA TP.HCM	-	127,230,000
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C	-	75,600,000
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM	-	14,137,000
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)	110,000,000	-
CÔNG TY TNHH TM DV CÔNG NGHIỆP MINH SƠN	-	7,516,000
CN CÔNG TY CP THAM ĐỊNH GIA VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BIỂU ĐIỆN	53,500,000	-
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN TPHCM	8,250,000	-
CTY TNHH CÔNG NGHỆ A.N.S.I	25,642,500	25,642,500
CN TẠI TPHCM-CTY CP TV DV VÈ TS BDS DATC(TP HNỘI)	10,000,000	10,000,000
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THIÊN PHÚ GIA	75,000,000	75,000,000
CÔNG TY TNHH GRAB	5,000,000	4,404,000
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN	61,226	-
CÔNG TY TNHH THU PHÍ TỰ ĐỘNG VETC	2,409,365	1,699,365
CN CTY TNHH TM DV THỊNH PHÁT LỘC(TỈNH BÌNH DƯƠNG)-ĐLBLXD NGUYỄN OANH	7,586,800	-
Cộng	<u>50,031,040,597</u>	<u>31,553,802,451</u>

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	265,850,000	-	1,833,162,400	-
TRẦN HUYNH THỦY DUNG	3,850,000	-	20,000,000	-
LÊ TRUNG THÀNH	-	-	5,162,400	-
NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	20,000,000	-	-	-
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	242,000,000	-	1,808,000,000	-
Cộng	265,850,000	-	1,833,162,400	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm/kỳ		Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm	
	Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc
Blue Saigon LLC	(47,410,555,648)	47,410,555,648	-	(47,410,555,647)	47,410,555,647
Công ty TNHH JSP Việt Nam	(133,066,217)	133,066,217	-	(133,066,217)	133,066,217
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	(1,005,053)	1,005,053	-	(1,005,053)	1,005,053
TOPO DESIGNS	(3,654,944,776)	3,654,944,776	-	(3,654,944,776)	3,654,944,776
Số cuối năm/kỳ	(51,199,571,694)	51,199,571,694	-	(51,199,571,693)	51,199,571,693

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	21,318,562,407	(20,660,281,068)	21,363,031,231	(20,665,617,858)
Công cụ, dụng cụ	122,657,263	-	123,779,753	-
Thành phẩm	42,076,681,797	(14,801,153,425)	39,828,303,546	(14,801,153,425)
Cộng	63,517,901,467	(35,461,434,493)	61,514,033,117	(35,466,771,283)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ/Năm nay	Kỳ/ Năm trước
Số đầu năm	(35,466,771,283)	(41,986,829)
Tái sử dụng nguyên liệu	5,336,790	-
Số cuối năm/kỳ	(35,461,434,493)	(41,986,829)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Máy móc thiết bị	300,000	-
Công cụ, dụng cụ	22,379,389	311,547,076
Chi phí phân bổ	4,774,998	373,834,428
Cộng	27,454,387	685,381,504

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Quyền SD đất tại Hắc dịch- Bà Rịa Vũng Tàu	7,547,593,186	7,664,913,286
Máy móc thiết bị	1,129,935,078	1,586,818,994
Công cụ, dụng cụ	992,271,817	1,761,902,993
Phần mềm	7,742,440	11,315,872
Chi phí phân bổ khác	125,047,497	154,720,833
Cộng	9,802,590,018	11,179,671,978

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	118,609,636,809	118,453,746,651	13,147,692,135	15,382,302,305	265,593,377,900
- Mua trong kỳ				1,403,500,000	1,403,500,000
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác (Xóa sổ theo NQ số 12/NQ-HDQT/2023)		(1,429,996,623)	(60,000,000)	(1,184,042,857)	(2,674,039,480)
Số cuối năm/kỳ	118,609,636,809	117,023,750,028	13,087,692,135	15,601,759,448	264,322,838,420
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	28,280,248,349	98,928,826,120	9,663,264,862	8,662,638,410	145,534,977,741
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	61,230,851,334	107,399,093,733	11,935,823,992	12,570,716,019	193,136,485,078
Khấu hao trong năm/kỳ	1,922,268,100	2,328,878,241	344,381,136	715,626,109	5,311,153,586
Thanh lý					-
Giảm khác		(1,429,996,623)	(60,000,000)	(1,184,042,857)	(2,674,039,480)
Số cuối năm/kỳ	63,153,119,434	108,297,975,351	12,220,205,128	12,102,299,271	195,773,599,184
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	57,378,785,475	11,054,652,918	1,211,868,143	2,811,586,286	72,456,892,822
Số cuối năm/kỳ	55,456,517,375	8,725,774,677	867,487,007	3,499,460,177	68,549,239,236

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	6,018,865,523	6,018,865,523
Mua trong năm/kỳ	-	-	-	-	-
Tặng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (Xóa sổ theoNQ số 12/NQ- HDQT/2023)	-	-	-	(374,602,783)	(374,602,783)
Số cuối năm/kỳ	-	-	-	5,644,262,740	5,644,262,740
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	3,171,531,840	3,171,531,840
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	5,088,024,892	5,088,024,892
Khấu hao trong năm/kỳ	-	-	-	159,576,930	159,576,930
Tặng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	(374,602,783)	(374,602,783)
Số cuối năm/kỳ	-	-	-	4,872,999,039	4,872,999,039
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	930,840,631	930,840,631
Số cuối năm/kỳ	-	-	-	771,263,701	771,263,701

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cộng
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	32,507,811,555	697,550,009	33,982,000	33,171,379,564
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10,020,000,000	-	-	10,020,000,000
Tiền đất xây dựng nhà ở công nhân tại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tô 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, H.Tân Thành, T.BR - VT	1,830,600,000	-	-	1,830,600,000
Xây dựng cơ bản 213 Hồng Bàng	20,623,229,555	697,550,009	-	21,320,779,564
Hệ thống điện nhà xưởng An Phú	33,982,000	-	33,982,000	-
Cộng	32,507,811,555	697,550,009	33,982,000	33,171,379,564

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số thuế đầu năm	Số căn cứ tính thuế	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm/kỳ	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số căn cứ tính thuế	Số cuối năm/kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3,089,872,848	15,449,364,237	(11,255,270)	(2,641,020,529)	13,205,102,642	437,597,049
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	219,296,686	1,096,483,433	-	(29,306,628)	146,533,139	189,990,058
Dự phòng quỹ lương trợ cấp nghỉ việc và lương phép 2021	2,870,576,162	14,352,880,804	(11,255,270)	(2,611,713,901)	13,058,569,503	247,606,991
Cộng	3,089,872,848	15,449,364,237	(11,255,270)	(2,641,020,529)	13,205,102,642	437,597,049

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi tiết phát sinh trong năm/kỳ như sau:

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ này/Năm trước
Số đầu năm	3,089,872,848	2,218,515,608
Ghi nhận tăng dự phòng quỹ lương thôi việc	(11,255,270)	9,529,000
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2,641,020,529)	(231,680,686)
Số cuối năm/kỳ	437,597,049	1,996,363,922

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>17,762,512,182</i>	<i>34,427,932,046</i>
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	17.762.512.182	34.427.932.046
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác :</i>	<i>367,034,708</i>	<i>907,392,011</i>
Cộng	<u>18,129,546,890</u>	<u>35,335,324,057</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**15a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	<i>93,407,420</i>	<i>93,407,420</i>
CÔNG TY TNHH HB VINA	378.493	378.493
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	1,028.927	1,028.927
PHAN QUỐC KHÁNH	92,000,000	92,000,000
Cộng	<u>93,407,420</u>	<u>93,407,420</u>

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

16.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế nhập khẩu	-	698,776,698	8,947,187	(8,947,187)	-	698,776,698
Tiền thuế đất	-	-	1,969,677,290	(2,226,477,319)	-	256,800,029
Thuế môn bài	-	-	7,000,000	(7,000,000)	-	-
Thuế TNDN	-	447,199,792	-	-	-	447,199,792
Thuế TNCN	-	370,350,285	727,804,762	(835,674,914)	-	478,220,437
Cộng	-	1,516,326,775	2,713,429,239	(3,078,099,420)	-	1,880,996,956

16.2. Chi phí thuế TNDN

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ /Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20,903,786,365)	679,781,654
- Các khoản điều chỉnh tăng	8,159,925,406	2,936,914,341
- Chi phí không hợp lệ	107,781,989	1,126,688,660
- Hoàn lại chi phí thuế TNDN của dự phòng nợ khó đòi	949,950,294	1,709,463,658
- Dự phòng lương phép, trợ cấp mất việc làm	56,276,357	100,762,023
- Hoàn nhập lãi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ng	7,045,916,766	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14,522,219,640)	(16,209,845,146)
- Dự phòng lương, trợ cấp mất việc làm đã chi	(13,058,569,503)	(2,235,214,437)
- Hoàn nhập hoàn lại dự phòng nợ phải thu	(1,096,483,433)	(2,689,246,622)
- Lợi nhuận được chia	-	(30,319,200)
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá năm trước	-	(2,717,665,381)
- Lãi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ	(367,166,704)	(8,537,399,506)
Thu nhập chịu thuế	(27,266,080,599)	(12,593,149,151)
Lỗ các năm trước	(33,834,920,293)	-
Thu nhập tính thuế	(61,101,000,892)	(12,593,149,151)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

17. Phải trả người lao động

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	456,260,469	6,482,464,063
Tiền lương tháng 13	-	1,063,462,530
Cộng	456,260,469	7,545,926,593

18. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	1,419,137,547
Tiền lương phép phải trả	-	918,382,497
Chi phí kiểm toán năm 2022	-	500,000,000
Chi phí trích trước chi phí gia công, giặt, In...	-	755,050
Cộng	-	1,419,137,547

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	32,200,000	32,200,000
Công ty Tân Mỹ	32,200,000	32,200,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2,449,074,691	611,168,998
Trợ cấp thai sản	208,995,216	208,995,216
Kinh phí công đoàn	25,051,204	1,829,664
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	292,864,729	290,920,693
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	1,922,163,542	109,423,425
Khoản trích thưởng thù lao HĐQT-BKS năm 2022	1,861,540,117	-
Đoàn phí công đoàn	3,640,000	52,440,000
Chia lãi cổ tức	56,983,425	56,983,425
Cộng	2,481,274,691	643,368,998

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	-	20,866,820,000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	-	-
Cộng	-	20,866,820,000

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số đầu năm (Nguyên tệ)	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn (Nguyên tệ)	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ (Nguyên tệ)	Số cuối năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ (Nguyên tệ)
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
NH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHI NHÁNH GÒ VẤP & PHÚ NHUẬN	20,866,820,000	-	-	-	20,866,820,000	-	-	-
Cộng	20,866,820,000	-	-	-	20,866,820,000	-	-	-

** NH Chính Sách Xã Hội Chi Nhánh Gò Vấp & Phú Nhuận cho vay lãi suất 0% trả trong 11 tháng từ ngày giải ngân.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Số đầu năm	565,075,674	790,751,476
Sử dụng quỹ	(45,259,500)	(145,934,097)
Số cuối năm/kỳ	519,816,174	644,817,379



Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Số đầu năm trước	330,002,590,000	186,342,875,948	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	655,924,929,034
Lợi nhuận trong kỳ /năm trước	-	(64,200,197,332)				(64,200,197,332)
Chi thù lao, thưởng HDQT-BKS 2021		(3,127,549,629)				(3,127,549,629)
Chi trả cổ tức năm 2021 tỷ lệ 50%		(164,754,995,000)				(164,754,995,000)
Số dư cuối kỳ /năm trước	330,002,590,000	(45,739,866,013)	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	423,842,187,073
Số dư đầu năm nay	330,002,590,000	(45,739,866,013)	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	423,842,187,073
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	(23,556,062,164)				(23,556,062,164)
Chi thù lao HDQT-BKS 2022		(10,000,000)				(10,000,000)
Trích thù lao HDQT-BKS năm 2022	-	(1,861,540,117)				(1,861,540,117)
Số dư cuối năm nay/kỳ này	330,002,590,000	(71,167,468,294)	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	398,414,584,792

22.b Cổ phiếu

	Số lượng		
	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành			
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	33,000,259		33,000,259
Cổ phiếu phổ thông	33,000,259		33,000,259
Cổ phiếu quỹ			
Cổ phiếu phổ thông	(49,260)	0.15%	(49,260)
Cổ phiếu đang lưu hành			
Cổ phiếu phổ thông	32,950,999	99.85%	32,950,999
Tổng cộng	33,000,259	100%	33,000,259

23. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	902,631.08	8,734,441.60
NH TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM) - CN TPHCM	51,898.69	851,914.21
NGÂN HÀNG FIRST BANK	5,696.07	5,696.07
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	100,764.71	5,045,559.71
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI - CN BẮC SÀI GÒN	744,271.61	2,831,271.61
Tổng cộng	902,631.08	8,734,441.60

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***1a. Tổng doanh thu*

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm				
+Doanh thu xuất khẩu	309,952,015	13,314	38,144,147,654	1,676,763.30
+Doanh thu nội địa	7,779,064,846		2,178,556,372	-
Cộng	8,089,016,861	13,314.09	40,322,704,026	1,676,763.30

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH May Tân Mỹ	20,750,908	507,549,881
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	68,883,092	877,018,790
Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	-	223,820,569,476
Cộng	89,634,000	225,205,138,147

1c. Thông tin bổ sung về doanh thu cho thuê tài sản

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH May Tân Mỹ	195,143,954	1,222,482,487
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	8,520,000	17,879,570
Cộng	203,663,954	1,240,362,057
Tổng Cộng	8,382,314,815	13,314.09

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Cộng	-	-	-	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	8,782,818,570	239,974,004,951
Cộng	8,782,818,570	239,974,004,951

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá	1,810,453,298	11,478,602,030
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	30,319,200
Lãi tiền gửi	331,668,802	40,854,648
Cộng	2,142,122,100	11,549,775,878

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán	680,521,500	2,701,399,223
Chi phí dự phòng Công ty Garmex Quảng Nam	5,571,183,157	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(885,448,400)	-
Chi phí khác	-	31,455,368
Chi phí chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1,514,774,456	2,764,437,499
Cộng	6,881,030,713	5,497,292,090

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển, xuất nhập hàng	8,319,462	234,840,730
Cộng	8,319,462	234,840,730

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	6,055,242,901	22,907,058,813
Chi phí dự phòng nợ xấu	1	1,079,770,308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,831,402,608	2,470,253,813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,597,612,030	2,730,814,075
Chi phí đồ dùng văn phòng (CCDC)	1,442,100,449	942,718,171
Chi phí khác bằng tiền	1,790,762,821	1,931,079,691
Cộng	15,717,120,810	32,061,694,871

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	36,066,275	134,123,360
Cộng	36,066,275	134,123,360

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	75,000,000	4,489,172
Cộng	75,000,000	4,489,172

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,053,664	11,859,132,094
Chi phí nhân công	11,169,742,115	103,894,766,997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,470,730,516	6,865,505,245
Chi phí Công cụ dụng cụ	1,752,183,393	4,534,223,678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,131,605,229	129,370,789,131
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1	1,079,770,308
Chi phí khác	2,028,142,692	2,512,123,623
Cộng	26,557,457,610	260,116,311,076

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Bảo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
2. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:**
-Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty
3. **Thông tin về các bên liên quan**

a. Tình hình thu nhập của Ban Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

Thu nhập của Ban điều hành đến 30/06/2023		Thu nhập
Nguyễn Minh Hằng	- Tổng Giám Đốc	384,140,521
Trần Thị Mỹ Hạnh	-Kế Toán Trưởng	204,452,565
Huỳnh Thị Kim Loan	-Phụ Trách Văn Phòng HĐQT	192,213,011
Thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2022 chi trong năm 2023		Thù Lao
Bùi Tuấn Ngọc		-
Lê Hùng		-
Nguyễn Việt Cường		-
Bùi Minh Tuấn		-
Lê Văn Hùng		-
Lâm Từ Thanh		-
Trần Nguyễn Anh Minh		5,000,000
Nguyễn Thế Hiếu		5,000,000
Thù lao của Ban Kiểm Soát năm 2022 chi trong năm 2023		
Phan Thị Phương		-
Lê Thị Chín		-
Từ Vi Trí		-

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	215,894,862
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Chi phí Gia công	1,031,404,870
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	77,403,092
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con	Chi phí Gia công	2,191,545,882

c. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/06/2023 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Phải thu	46,984,111,626
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải thu	82,371,402
Blue Sai gon LLC	Phải thu	47,410,555,648

d. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/06/2023 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải trả	17,762,512,182

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2023 vào ngày 30/06/2023

4. Thông tin bộ phận

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

5. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đã có kế hoạch lợi nhuận và dòng tiền cho các tháng tiếp theo mà theo đó Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động. Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giá định hoạt động liên tục.



Trần Thị Thu Trâm
Người lập biểu



Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Minh Hằng
Tổng giám đốc

